

VỀ VẤN ĐỀ VẬN MỆNH LỊCH SỬ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở CÁC NƯỚC CHÂU Á

JASKINA G. K *voprosu ob istoricheskikh sud'bach socializma v stranakh Azii. Problemy Dal'nego Vostoka*, 2005, No2, st. 28-43.

HIỀN LY
lược thuật

Hiện nay, do những thay đổi lịch sử to lớn mà CNXH hiện thực trên thực tế đã bị biến đổi, song vẫn có một số quốc gia được chính thức gọi là các nước XHCN đang tồn tại và phát triển. Những nước này đã đặt ra cho mình mục tiêu chiến lược là xây dựng xã hội XHCN, theo tác giả đó là bốn nước nằm ở vùng lãnh thổ Đông Á - Cộng hoà Nhân dân (CHND) Trung Hoa, Cộng hoà XHCN Việt Nam, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân (DCND) Lào, Cộng hoà DCND Triều Tiên. Điều đó đang biến châu lục này thành một không gian địa chính trị tương đối rộng lớn, và trong phạm vi của nó vẫn tiếp tục sự cùng tồn tại và hợp tác của các nước XHCN với các nước khác. Thực tế đó đã tạo ra cho vị trí địa chính trị hiện nay của châu Á một đặc thù lịch sử duy nhất và đặt ra cho khoa học một loạt vấn đề quan trọng cần phải tìm ra lời giải, như chế độ XHCN và hệ thống kinh tế-xã hội mà những nước này dựa vào đang tiến triển theo hướng nào; lý luận hiện nay về

CNXH, dưới tác động của thực tế hiện đại hoá, của sự chuyển đổi xã hội truyền thống sang xã hội công nghiệp hiện đại và tiếp nữa là xã hội hậu công nghiệp, có những đặc điểm gì? Ở bài viết này, tác giả tập trung làm rõ tính cần thiết của việc nghiên cứu tổng hợp và sâu sắc hơn sự tiến triển của CNXH qua ví dụ 4 nước trên, chỉ ra những nguyên nhân khiến cho các chế độ XHCN ở những nước đó không bị đổ vỡ; phân tích sự chuyển đổi các cơ sở kinh tế và sự biến đổi hệ thống chính trị; đồng thời đưa ra nhận xét về xu hướng tiến triển của CNXH hiện nay ở khu vực này.

Nói về nguyên nhân, tác giả cho rằng, mặc dù yếu tố bên ngoài có ý nghĩa quan trọng, nhưng giữ vững đường lối đi lên CNXH ở các nước châu Á là do các nhân tố bên trong, trước hết, là do sức mạnh và uy tín của các Đảng Cộng sản cầm quyền, đã thể hiện lợi ích dân tộc của đất nước và trong bối cảnh là thực tế không có phe đối lập chính trị

dưới hình thức một phong trào dân chủ có tổ chức ở mức độ đáng kể nào. Trong một thời gian dài, những nước này bị cách biệt khỏi quan hệ giao tiếp rộng rãi với thế giới bên ngoài và điều đó đã giữ cho người dân nơi đây không bị ảnh hưởng của hệ tư tưởng phi XHCN. Một nguyên nhân nữa là sự thừa nhận tính tất yếu của thời kỳ quá độ lâu dài lên CNXH và không ngăn cản việc xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường của các nước XHCN châu Á. Tác giả cho rằng, điều đó đã mở ra cho họ khả năng huy động có hiệu quả nội lực và hội nhập chặt chẽ vào quá trình toàn cầu hoá của thế giới. Ở các nước này lý luận về CNXH đang được đổi mới dần dần, song, mục tiêu phát triển vẫn không thay đổi - các đảng cầm quyền ở những nước này vẫn khẳng định rằng họ đang xây dựng xã hội XHCN.

Phân tích đường lối chiến lược phát triển đất nước cũng như những thành quả đạt được về mọi mặt của các nước XHCN châu Á nêu trên, tác giả đã rút ra những nhận định khái quát, đặc biệt là về *sự chuyển đổi các cơ sở kinh tế và sự biến đổi của hệ thống chính trị* của các nước này. Theo tác giả, công cuộc xây dựng nền kinh tế XHCN ở các nước châu Á đã diễn ra trong không gian quốc tế khép kín, hướng vào sự giúp đỡ của các nước XHCN khác, đồng thời cũng có sự sao chép nhất định những đặc điểm kinh nghiệm của Liên Xô và phần nào đó bỏ qua các điều kiện thực tế của chính mình. Sự tan rã của Liên Xô và cuộc khủng hoảng kinh tế nặng nề tiếp sau đó ở Nga đã chấm dứt sự giúp đỡ đối ngoại của nước này cho một loạt nước, trong đó có các nước kể trên. Các nước XHCN châu Á đã đẩy nhanh việc tìm kiếm những cách thức mới để hiện đại hoá kinh tế, tránh không dùng

“liệu pháp sốc”. Họ đã duy trì công cuộc xây dựng CNXH như là nhiệm vụ chiến lược cho tương lai, đã luận chứng cho sự cần thiết phải lựa chọn những hình thức và phương pháp riêng của mình để xây dựng CNXH, buộc chúng tuân theo logic của việc xây dựng nền kinh tế thị trường. Điều đó đã trở thành một trong những nguyên nhân chính tạo ra quan điểm mới trong chính sách kinh tế, và đưa đến việc tìm ra lời giải cho câu hỏi làm thế nào để lý luận về CNXH thích hợp với thực tại kinh tế ở giai đoạn đầu xây dựng CNXH, nghĩa là duy trì sở hữu công cộng với tính cách là cơ sở nền tảng của CNXH, đồng thời sử dụng được những khả năng tiềm tàng của các hình thức sở hữu phi XHCN khác. Trong bối cảnh khó khăn do tình trạng kinh tế đổ nát và nghèo nàn, theo tác giả, việc các Đảng Cộng sản cầm quyền đề cao nguyên tắc cơ bản trong tổ chức các cơ sở của CNXH và yêu cầu tạo nên sở hữu công cộng đối với các tư liệu sản xuất cơ bản là điều hợp quy luật. Sở hữu công cộng đã được tạo nên không chỉ bằng cách tước đoạt sở hữu tư nhân, mà cả trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá XHCN nhằm bảo đảm tiến bộ khoa học-kỹ thuật và tăng trưởng sản xuất, và trong tiến trình hợp tác hoá XHCN nhằm mục đích phát triển nông nghiệp, khắc phục nghèo đói.

Kinh nghiệm phát triển kinh tế ở các nước XHCN châu Á trong giai đoạn đầu xây dựng CNXH cho thấy các nước đều thừa nhận việc sử dụng tiềm lực của tất cả các hình thức sở hữu và ý nghĩa của các khu vực phi nhà nước, tất cả các khu vực kinh tế đều có quyền tham gia vào phát triển nền kinh tế thị trường và cạnh tranh với nhau. Kết quả cải cách sở hữu nhà nước và khu vực kinh tế nhà nước dựa trên loại hình sở

hữu này ở các nền kinh tế quốc dân có những điểm giống nhau và khác nhau. Nổi bật nhất là xu hướng ổn định trong sự chuyển đổi đáng kể sở hữu nhà nước thành sở hữu tập thể, sở hữu cổ phần và sự tham gia của các loại hình sở hữu này vào xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần. Quy mô tư nhân hoá khu vực nhà nước được thừa nhận là một trong những tiêu chí cơ bản đo mức độ tiến triển của đất nước sang nền kinh tế thị trường. Tác giả cho rằng, quan điểm như vậy hoàn toàn phù hợp với nhận thức về tính chất tiến bộ của cơ cấu xã hội của các nền kinh tế quốc gia, song lại chưa trả lời được câu hỏi lực lượng sản xuất của xã hội nói chung sẽ được hiện đại hoá nhờ cái gì và bằng cách nào. Nghiên cứu mối quan hệ qua lại giữa hai nhiệm vụ này trên cơ sở dữ liệu của 4 nước, tác giả đi tới kết luận rằng, để hiện đại hoá lực lượng sản xuất thì mức độ đầu tư vốn cơ bản và nâng cao hiệu quả sản xuất nhờ các công nghệ mới và kỹ thuật tiên tiến là những điều kiện rất quan trọng. Vai trò điều tiết của Nhà nước đối với các thông số kinh tế vĩ mô của nền kinh tế ở giai đoạn xây dựng các quan hệ thị trường nhất thiết phải được đặt lên hàng đầu.

Về sự biến đổi tính chất của quyền lực chính trị ở các nước nêu trên, tác giả cho rằng, đặc điểm chung của hiện đại hoá xã hội ở đa số các nước XHCN châu Á là tính năng động cao của các cuộc cải cách kinh tế. Cải cách nền kinh tế theo nguyên tắc thị trường xuất hiện do tác động của những xu hướng phát triển cơ bản của cộng đồng thế giới và các nhu cầu nội tại riêng mỗi nước đã trở thành nhân tố có tính quyết định, thúc đẩy cải cách chính trị ở các nước XHCN. Các hệ thống chính trị hiện có ở các nước châu Á này đang thay đổi rất chậm. Nhưng,

sự tăng dần những thay đổi về kinh tế đang góp phần thúc đẩy tự do hoá tư tưởng, mở rộng phạm vi quyền hạn của các cơ quan dân cử ở địa phương Các hệ thống thị trường sẽ dẫn tới làm xuất hiện cơ cấu xã hội mới của xã hội.

Tác giả nhận xét, sự vận động của các nước XHCN châu Á theo hướng chung là rất đặc thù, tính chất này phần nhiều là do lịch sử xa xưa, tâm tính của nhân dân, đặc điểm của văn hoá chính trị, trong đó có cả sự duy trì các truyền thống quyền lực chính trị dựa trên quyền uy, quy định. Đó cũng còn là do sự không sẵn sàng của đông đảo nông dân các nước này, nơi mà họ chiếm đa số trong dân cư, trong việc tiếp thu, bảo vệ và phát triển những tư tưởng dân chủ theo cách diễn giải của phương Tây. Ở những nước này, sự phân hoá xã hội vẫn tiếp tục, các vấn đề kinh tế-xã hội và chính trị gay gắt như nghèo đói, phát triển không đồng đều giữa các vùng miền, sự tụt hậu của những vùng các dân tộc ít người sinh sống, v.v chậm được giải quyết. Ở đó đang hình thành nên tầng lớp tiến bộ mới những nhà kinh doanh hiện đại, những người đang tuyên bố về quyền của mình được tham gia vào đời sống chính trị của đất nước, được tác động đến sự phát triển của đất nước. Tác giả kết luận, có đủ cơ sở xác đáng để cho rằng, sự phát triển của CNXH ở các nước châu Á đang dẫn đến hình thành một dạng xã hội phương Đông mới với cách hiểu riêng của mình về các giá trị dân chủ, đặt ổn định chính trị và kinh tế lên hàng đầu, có quan niệm chung về mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội là xây dựng quốc gia giàu mạnh, có uy tín cao trên trường quốc tế. Các cải cách thị trường ở Trung Quốc, Việt Nam và Lào (do quy mô nhỏ nên mức độ các cải cách

này ở Cộng hoà DCND Triều Tiên thấp hơn nhiều so với những nước nêu trên) cho thấy rằng, chế độ kinh tế XHCN của các quốc gia này đang có những thay đổi mang tính hệ thống. Xây dựng CNXH vẫn là mục tiêu, và xét về định hướng xã hội của mình thì nó được nhân dân ủng hộ, nhưng phương pháp và cách thức để đạt được mục tiêu đó đang thay đổi mạnh. Sự độc quyền của sở hữu nhà nước đang giảm dần và sở hữu cổ phần đang tăng lên. Kết quả là, chính sách của các nước XHCN là hướng vào xây dựng hệ thống kinh tế giống với hệ thống kinh tế được xây dựng ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển và nó bảo đảm cho họ sự giàu có, an ninh quốc gia và mức sống của nhân dân cao. Nhưng khác với các nước có nền kinh tế phát triển, hệ thống này vẫn chưa trở thành rộng khắp. Sản xuất hàng hoá nhỏ ở nông thôn vẫn thể hiện sự thiếu vững chắc, mặc dù phương pháp khoán hộ gia đình đã đem lại kết quả bước đầu cho cải cách thị trường ở các nước XHCN châu Á. Việc thừa nhận sở hữu tư nhân tuy đang giải phóng tinh thần sáng tạo lao động của quần chúng, nhưng vẫn là chưa đủ để đạt được sự tăng trưởng kinh tế bền vững lâu dài, vì để đạt được điều này cần phải có các công nghệ mới, kỹ thuật tiên tiến và tăng các nguồn lực vật chất.

Đề cập đến đường lối lãnh đạo của các Đảng cộng sản cầm quyền ở các nước, tác giả nhận xét những thay đổi trong chính sách đối nội và đối ngoại của các Đảng Cộng sản cầm quyền là kết quả của việc họ nhận thức sâu sắc những điều kiện mới và sự cần thiết của các hình thức hiện đại hoá mới, thừa nhận sự thực rằng, đất nước của họ dần dần, nhưng tất yếu phải hội nhập vào quá trình toàn cầu hoá của cộng đồng

thế giới.

Về hệ thống chính trị thì chủ nghĩa quyền uy không phải là một thứ đặc quyền đặc thù của nhà nước XHCN, nó đang tồn tại ở rất nhiều nước với các hệ thống kinh tế-xã hội khác nhau. Nhưng việc các nước XHCN châu Á không muốn bỏ cụm từ XHCN hoàn toàn không chỉ là một phương sách chính trị. Đằng sau nó đang ẩn chứa nhiệm vụ bảo vệ uy tín của các Đảng Cộng sản cầm quyền. Đồng thời đằng sau uy tín này còn có những tổng kết lý luận lớn, được rút ra từ kinh nghiệm hiện đại hoá kinh tế và những cải cách chính trị nhất định, đang trả lời cho tình hình thực tế.

Trong phần tiếp theo, tác giả đã đưa ra một số nhận xét về xu hướng phát triển của CNXH ở châu Á. Theo tác giả, việc một loạt nước châu Á duy trì định hướng XHCN chứng tỏ con đường tiến triển từng bước cải biến mô hình phát triển tốt hơn con đường cách mạng, và tính kiên định rõ ràng, tính nhất quán và *tính điều độ trong chính sách có thể hiệu quả hơn chủ nghĩa cấp tiến cách mạng*. Tất cả các nước XHCN châu Á đang xây dựng những cơ sở của xã hội mới khác với kiểu xã hội Liên Xô, khác với quan niệm kinh điển về nền kinh tế của CNXH. Nhưng đồng thời, họ cũng đã kế thừa một loạt những điều cơ bản từ kinh nghiệm XHCN ban đầu của mình, kinh nghiệm thu được phù hợp với những quan niệm thuở ban đầu.

Tác giả lưu ý rằng, sự từ bỏ hệ tư tưởng XHCN chính thống không mâu thuẫn công khai và gay gắt với đường lối chính trị mới của các nước này. Ví dụ, ở Trung Quốc, Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc đã khẳng định trong các nghị quyết mới và trong Điều lệ mới của Đảng luận điểm về cái gọi là

thuyết 3 đại diện với tính cách là cơ sở tư tưởng trong Đảng, đặt nó ngang hàng với chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Mao Trạch Đông và lý luận Đặng Tiểu Bình. Ngày nay, trên thực tế ở Trung Quốc, lợi ích kinh tế, sự sung túc vật chất - đó là những cái đang thúc đẩy người Trung Quốc lao động. Ở Bắc Triều Tiên, tư tưởng xây dựng đất nước giàu mạnh sẽ thay thế cho tư tưởng chuchkhe (tư tưởng dựa trên nguyên tắc triết học cho rằng “con người là chủ thể của tất cả, con người quyết định tất cả”). Việt Nam và Lào đang đi theo con đường xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội văn minh, công bằng và phát triển. Như vậy, hệ tư tưởng XHCN ở các nước châu Á ngày càng mang tính thực tế và gắn trước hết với nền kinh tế thị trường.

Tuy nhiên, theo tác giả, sự giống nhau trong đường lối chính trị tiến lên CNXH không cho phép khẳng định rằng, sự phát triển thực tế mô hình CNXH hiện nay của họ cũng giống nhau. Ngược lại, CNXH cụ thể ở châu Á có nhiều phương án: CNXH ở mỗi nước mang đặc sắc dân tộc, những nét đặc thù riêng của nó. Những nước này có trình độ phát triển lực lượng sản xuất khác nhau, nguồn nhân lực và vật lực khác nhau, mức độ sung túc của nhân dân khác nhau. Do đó ngay cả tương lai của CNXH ở các nước châu Á cũng khác nhau.

Từ những phân tích trên, tác giả đưa ra nhận xét hệ thống chính trị ở các nước XHCN châu Á đang phải chịu áp lực cả tình hình bên trong lẫn bên ngoài mà họ đang cố gắng thích ứng, và sự phát triển của họ theo hướng dân chủ là tất yếu. Song, do những khác biệt mà quá khứ lịch sử để lại trong phát triển văn hoá, kinh tế, xã hội, v.v..., nên khó

có thể xác lập được tính đồng nhất chính trị ở các nước châu Á nêu trên. Như vậy, số mệnh lịch sử của CNXH ở khu vực này thực tế cũng giống như số mệnh lịch sử của CNXH thế giới - chuyển sang mô hình kinh tế-xã hội mới có nhiều điểm giống, và cũng có nhiều điểm khác với CNTB. Trong mô hình mới này, các nền kinh tế thị trường và các hệ thống chính trị, mà trong thời điểm lịch sử hiện nay có thể bảo đảm được tiến bộ kinh tế-xã hội sẽ phải đóng vai trò chính.

Cuối cùng tác giả kết luận CNXH ở các nước châu Á đã chứng tỏ khả năng của cách cải cách dần dần nó mà không phải mất những chi phí lớn như cách dùng liệu pháp sốc ở các nước XHCN khác đã phải chịu

Qua các phân tích nêu trên, nhóm tác giả đi đến kết luận rằng, việc rút ra các kết luận chung khi xác định tác động của các hiệp định WTO đối với các nước đang phát triển là khó khăn, bởi đó là một nhóm nước lớn và không đồng nhất, ở các giai đoạn phát triển khác nhau và có các nhu cầu và lợi ích khác nhau. Thêm vào đó, còn có nhiều yếu tố có vai trò tác động lớn như sự ổn định về chính trị, kinh tế và xã hội, cơ sở hạ tầng, vị trí địa lý, tình trạng y tế, giáo dục, chính sách tái phân phối của chính phủ. Tuy nhiên, có thể khẳng định rằng, WTO đã góp phần giảm bớt các hàng rào thương mại và thúc đẩy thương mại thế giới trong một số lĩnh vực nhưng còn nhiều điều phải làm trong một số ngành mà các nước đang phát triển có lợi ích lớn. Điều này đặc biệt đúng với thương mại hàng hoá và nông sản - những ngành hiện vẫn còn bị quản lý nặng nề ở hầu hết các nước.